

MỘT GIỐNG VÀ HAI LOÀI CỦA NƯỚC NGỌT MỚI THUỘC HỌ POTAMIDAE Ở MIỀN NAM VIỆT NAM

ĐẶNG NGỌC THANH, HỒ THANH HẢI

Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật

Trong các mẫu của nước ngọt Potamidae mới thu được tại một số địa phương ở miền Nam Việt Nam (Đắc Lắc, Bình Phước) và ở miền Nam Lào (Pắc xế-Châmpasắc) trong năm 2003, đã xác định được một giống mới và hai loài mới cho khoa học.

I. *Donopotamon* gen. nov.

Đặc điểm chẩn loại

Đầu ngực (mai) hình thang, mặt trên phẳng nhẵn. Cạnh trước của trán chia hai thùy. Gờ sau của ổ mắt (postorbital) sắc, thẳng ngang. Đốt ischium của chân hàm hình chữ nhật, merus gần vuông, exopod (nhánh ngoài) dài tới giữa đốt merus. Đốt bụng VII hình tam giác cân, tròn đầu, cạnh bên lõm, dài hơn đốt VI. G1 ở con đực có mào lớn hình bán nguyệt, chiếm gần hết nửa cuối đốt ngực.

Nhận xét

Giống mới *Donopotamon* gen. nov. sai khác rất cơ bản với các giống của Potamidae hiện đã biết ở Việt Nam và cả với các giống của mới được xác lập trong thời gian gần đây trong khu vực như: *Thaipotamon* Ng et Naiyanetr, 1993; *Phaibulamon* Ng, 1992; *Rathbulamon*, *Pilosamon* Ng, 1996; *Pudaengon* Ng et Naiyanetr, 1995 ở đặc điểm G1 ở con đực có mào lớn hình bán nguyệt rộng, chiếm gần hết nửa ngọn đốt cuối, trong khi ở các giống đã biết nói trên, mào này chỉ chiếm nửa gốc đốt cuối G1 ở con đực. Ngoài ra, còn có những sai khác ở hình dạng của mai, nhánh ngoài của chân hàm và gờ sau của ổ mắt.

Ý nghĩa của tên giống: Lấy tên từ Jók Đôn (Đắc Lắc), nơi tìm thấy đầu tiên giống của mới này.

Loài chuẩn: *Donopotamon haii* sp. nov.

1. *Donopotamon haii* sp. nov.

(hình 1)

Mẫu vật nghiên cứu: 3 ♂, 1 ♀, Pắc xế (Lào), 31/8/2003; 1 ♂, 1 ♀, Jók Đôn, 25/11/2003.

Holotyp: con đực, Jók Đôn, 25/11/2003

Allotyp: 1 ♀, Jók Đôn, 25/11/2003.

Paratyp: 3 ♂, Pắc xế (Lào), 31/8/2003

Mô tả con đực

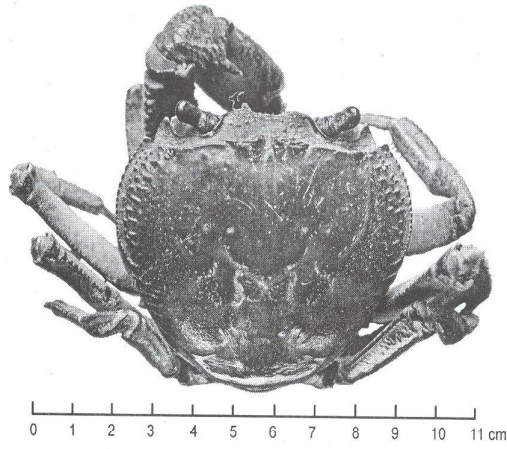
Cua lớn, mai hình thang, rộng ngang, đẹp, mặt trên nhẵn, chỉ có ít mấu lồi trên vùng bên trước (anterolateral). Cạnh trước của trán chia hai thùy lớn, cạnh bên xiên. Mặt trên của trán có mấu lồi nhỏ. Mấu lồi ngoài ổ mắt phát triển. Gờ sau của ổ mắt sắc, thẳng ngang, chạy tới gốc răng trên mang (epibranchial). Gờ sau của trán kém sắc hơn, nhưng nom rõ, gần như nằm thẳng hàng với gờ sau của ổ mắt.

Đốt ischium của chân hàm hình chữ nhật, rãnh giữa ở chính giữa. Nhánh ngoài của chân hàm thẳng, dài tới 1/3 cạnh ngoài của đốt merus. Tơ ngọn dài vượt quá cạnh trước của đốt merus. Đốt này hình gần vuông. Mặt trên của đốt ischium của chân hàm và của đốt merus có nhiều lông cứng.

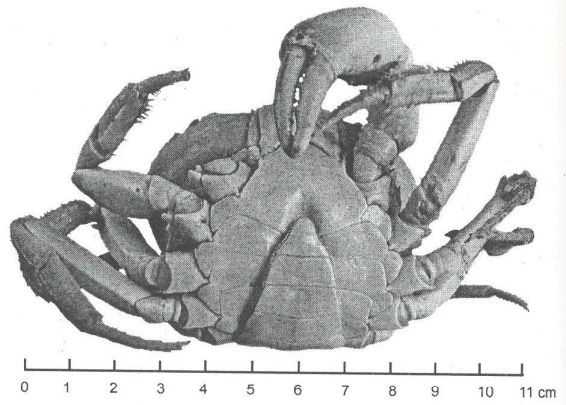
Đốt bụng VII hình tam giác cân, tròn đầu, cạnh bên lõm, dài hơn đốt VI. G1 ở con đực có đốt trước cuối rộng bản, đầu ngọn thất lại dạng cổ chai. Đốt cuối có mào lớn, hình bán nguyệt rộng, chiếm gần hết nửa ngọn của đốt cuối, tạo nên hình đầu chim bồ câu đặc sắc. Chân bò dài.

Nhận xét

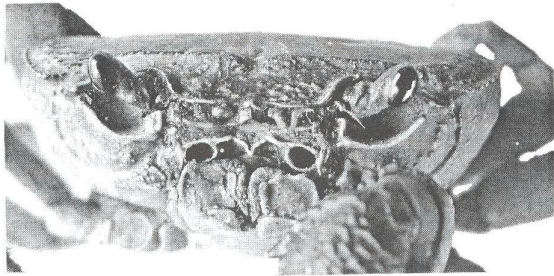
Loài mới được tìm thấy lần đầu ở hai địa điểm: Jók Đôn, Đắc Lắc (Việt Nam) và Pắc xế (Lào). Đây là những nơi còn ít được khảo sát về của nước ngọt. *Donopotamon haii* sp. nov. sống ở suối vùng núi, là loài của có số lượng lớn được



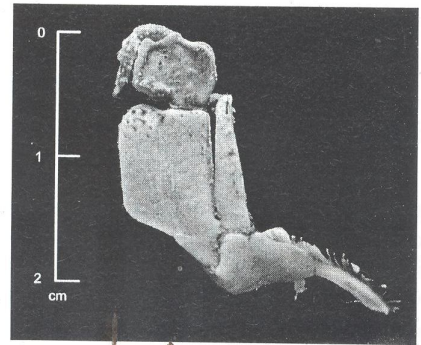
A



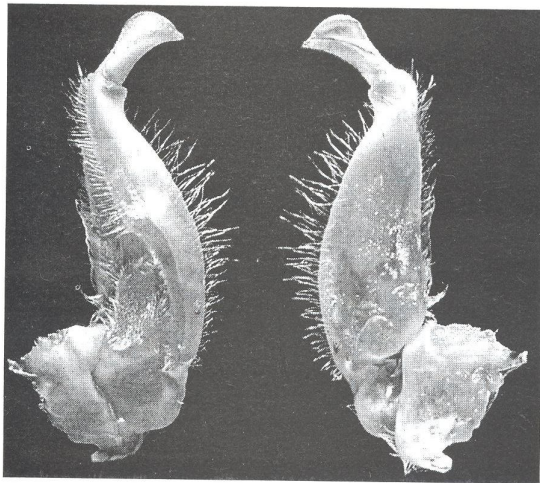
B



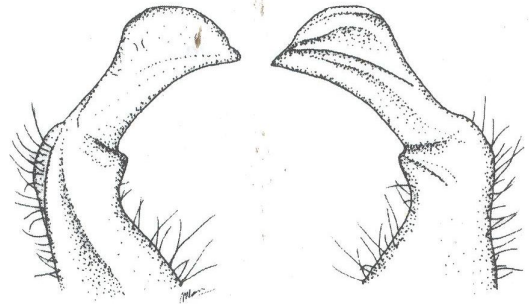
C



D



E



F

Hình 1. *Donopotamon haii* sp. nov.
A: mặt lưng; B: mặt bụng; C: trán; D: maxiliped 3; E, F: G1 ở con đực

Một số kích thước cơ bản của *Donopotamon haii* sp. nov.

Thông số đo	Jök Đôn (Đắc Lắc)		Pắc xế (Chăm-pasác)	
	Con đực	Con cái	Con đực	Con cái
Chiều rộng của mai (l) (mm)	55	47	70	64
Chiều dài của mai (L) (mm)	45	39	55	51
Chiều dày của mai (e) (mm)	27	25	33	28
Chiều rộng giữa hai ổ mắt (mm)	38	33	45	39
Chiều rộng của trán (F) (mm)	16	15	22	18
Chiều dài của Carpus của càng (mm)	17	8	23	18
Chiều dài của bàn của càng (mm)	24	16	36	29
Chiều dài của ngón của càng (mm)	24	18	38	27
Chiều dài của đốt bụng VII (mm)	6,5		8	
Chiều dài của đốt bụng VI (mm)	5		6	
G1 ở con đực: đốt cuối/đốt trước cuối	0,34		0,33	

dùng làm thực phẩm ở Pắc xế.

Có thể coi loài mới *Donopotamon haii* như loài có quan hệ gần trong nhóm cua thuộc các giống *Thaipotamon*, *Pudaengon*, *Rathbulamon*, *Phaibulamon*, *Pilosamon* đã được tìm thấy trong lưu vực sông Mê Công ở Lào, Việt Nam và Thái Lan. Với đặc điểm chung có mào bán nguyệt trên đốt cuối G1 ở con đực, song các loài thuộc các giống nói trên có những sai khác ở vị trí mào bán nguyệt cũng như một số đặc điểm khác như nhánh ngoài đốt ischium của chân hàm, hình dạng của mai.

II. *Somanniathelphusa triangularis* sp. nov. (hình 2)

Mẫu vật nghiên cứu: 3 ♂, 2 ♀, Bình Phước (Bàu Cảnh), tháng 11/2003 (Nguyễn Văn Sáng thu).

Holotyp: con đực, Bình Phước, tháng 11/2003.

Paratyp-Allotyp: 2 ♂, 2 ♀, Bình Phước, tháng 11/2003.

Đặc điểm chẩn loại

Mai rộng ngang, phẳng, màu tím đen, mặt trên có hình tam giác lớn màu trắng đục. Gờ sau của trán và gờ sau của ổ mắt sắc, kéo dài tới gốc gai cạnh bên 2. G1 ở con đực có phần gốc hẹp, cạnh trên gần ngang, ngọn có mào, đầu ngọn chẻ dọc.

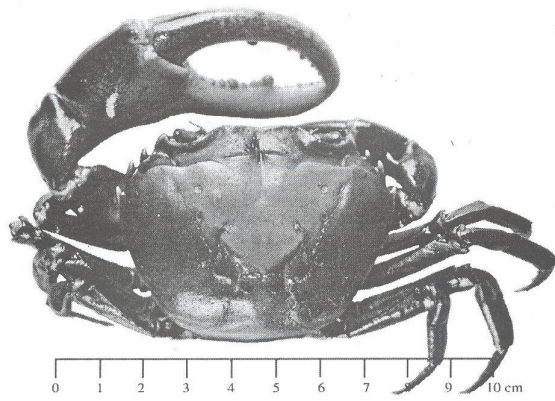
Mô tả con đực

Cua lớn, mai rộng ngang, mặt trên nhẵn, có màu tím đen với một hình tam giác lớn màu trắng đục có cạnh đáy chiếm gần hết gờ thượng vị, đỉnh tới rãnh bán nguyệt. Cạnh trước của trán hơi lõm, gờ sau của trán và gờ sau của ổ mắt sắc, gờ này uốn lượn hai lần kéo dài tới gốc gai trên mang. Các rãnh trên mai, nom rõ. Đốt bụng VII ở con đực dài sắp xỉ đốt VI, đốt này có hình thang dài, cạnh sau ngắn hơn chiều dài đốt. G1 ở con đực có dạng chung của giống *Somanniathelphusa* với phần gốc hơi hẹp, cạnh trên gần ngang, phần ngọn thẳng, đầu ngọn có mào liến, chẻ dọc. G2 có sợi ngọn dài tới giữa phần ngọn G1. Chân hàm 3 có đốt merus gần vuông. Nhánh ngoài đốt Ischium chỉ dài tới 1/2 cạnh ngoài đốt merus. Chân bờ ngắn, cùng màu tím đen như mai.

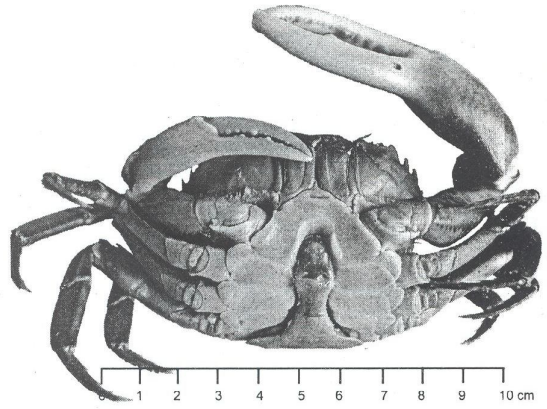
Nhận xét

Loài *Somanniathelphusa triangularis* sp. nov. có đặc điểm khác hẳn với các loài thuộc giống *Somanniathelphusa* đã biết ở Việt Nam [1] cũng như các loài *Somanniathelphusa* mới được mô tả mới đây ở phía nam Trung Quốc [8] trước hết ở hình tam giác màu trắng đục trên mai cả ở con đực và con cái, ở gờ sau của ổ mắt dài liên tục và ở cấu tạo của G1 ở con đực.

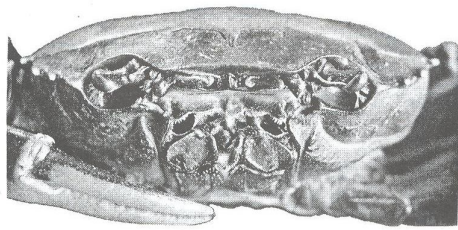
So sánh với *Somanniathelphusa germaini* (Rathbun) cũng đã tìm thấy ở miền Nam Việt Nam, loài mới này sai khác ở những điểm cơ



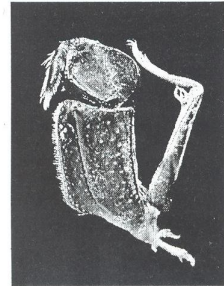
A



B



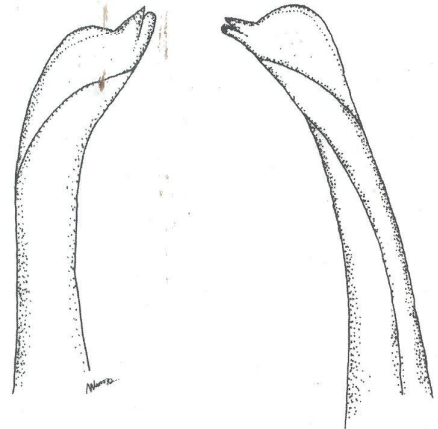
C



D



E



F

Hình 2. *Somanniathelphusa triangularis* sp. nov.
A: mặt lưng; B: mặt bụng; C: trán; D: maxiliped 3; E, F: G1 ở con đực

bản như sau:

Đặc điểm	<i>S. triangularis</i> sp. nov.	<i>S. germaini</i> (Rathbun)
Mặt trên của mai	Có hình tam giác lớn màu trắng đục	Không có
Gờ sau của ổ mắt	Thẳng ngang, uốn lượn hai lần rõ rệt	Uốn lượn không hoàn toàn, đoạn ngoài cùng nhô cao
Gờ sau của trán	Hơi lõm	Thẳng ngang.
G1 ở con đực	Phần gốc có cạnh trên gần thẳng ngang, đốt cuối bằng hoặc dài hơn phần gốc	Phần gốc có cạnh trên dốc nghiêng, đốt cuối ngắn hơn phần gốc
Đốt bụng VII ở con đực	Gần hình thang dài	Gần hình tam giác
Đốt bụng VI ở con đực	Tỷ lệ cạnh trước/cạnh sau: 0,8-0,86	Tỷ lệ cạnh trước/cạnh sau: 0,73-0,75

Somanniathelphusa triangulais sp. nov. hiện mới thấy ở Bàu Cảnh, trong lâm trường Nghĩa Trung thuộc tỉnh Bình Phước, miền Nam Việt Nam.

Ý nghĩa của tên loài: có hình tam giác màu trắng trên mai.

Bảng 2

Một số kích thước cơ bản của *Somanniathelphusa triangularis* sp. nov.

Thông số đo	Con đực	Con cái
Chiều rộng của mai (l) (mm)	53	49
Chiều dài của mai (L) (mm)	44	41
Chiều dày của mai (e) (mm)	29	28
Chiều rộng giữa hai ổ mắt (mm)	37	32
Chiều rộng của trán (F) (mm)	17	15
Chiều dài của Carpus của càng (mm)	20	16
Chiều dài của bàn của càng (mm)	33	23
Chiều dài của ngón của càng (mm)	45	26
Chiều dài của đốt bụng VII (mm)	8	
Chiều dài của đốt bụng VI (mm)	7,5	
G1 ở con đực: đốt cuối/ đốt trước cuối	0,52	

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đặng Ngọc Thanh, Hồ Thanh Hải, 2001: Giáp xác nước ngọt. Động vật chí Việt Nam. Nxb. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
- Đặng Ngọc Thanh, Hồ Thanh Hải, 2002: Tạp chí Sinh học: 24(2): 1-8. Hà Nội
- Đặng Ngọc Thanh, Hồ Thanh Hải, 2003: Tạp chí Sinh học: 25(3): 7-13. Hà Nội.
- Bott R., 1970: Abh. Senckenbergischen Nat. Ges., Frankfurt, 526: 1-338.
- P. K. L. Ng & P. Naiyanetr, 1993: Zool. Verhandelingen: 1-117; figs 1-68.
- P. K. L. Ng & Naiyanetr, 1995: The Raffles Bull. Zool., 43(2): 355-376.
- P. K. L. Ng, 1996: Crustaceans, 69(7): 898-906.
- Phaibul Naiyanetr & Dai Ai-Yun, 1997: The Raffles Bull. of Zool., 45(1): 73-96.

ONE NEW GENUS AND TWO NEW SPECIES OF POTAMID FRESHWATER CRABS FROM THE SOUTHERN PART OF VIETNAM

DANG NGOC THANH, HO THANH HAI

SUMMARY

Donopotamon gen. nov.

Diagnosis

Carapace trapezoid form, upper surface smooth. Frontal margin bilobed. Postorbital cristae sharp, horizontally straight. Ischium maxilliped rectangular, merus almost square-shaped, exopod long, reaching to 1/3 merus external margin. Male abdomen triangular, VII segment longer than VI segment. Subterminal segment of G1 with distal part narrow, neck-like. Terminal segment with dorsal, broad semicircular fold, occupying almost completely half distal part of this segment.

Etymology: This genus name is derived from its type locality at Jokdon district (Daclac province, Vietnam), in combination with the genus name *Potamon*. The gender is neuter.

Type species: *Donopotamon haii* sp. nov.

I. *Donopotamon haii* sp. nov. (fig. 1)

Holotype: 1 male; Allotype, 1 female, collected from the stream at Jokdon (Daclac province), Vietnam. Coll. 25 November 2003; Paratype: 3 males, collected from the Pakse market (Champasak province), Laos. Coll. 31 August 2003, deposited in the Zoological Museum, Institute of Ecology and Biological resources, Hanoi-Vietnam.

Diagnosis: Carapace largely transverse trapezoid, flat, upper surface smooth. Anterolateral region rugose and granulose. Frontal margin bilobed, lateral margin oblique. Upper frontal surface granuloses. External orbital angle acute triangular. Postorbital cristae sharp, horizontally straight, continuously running to the basis of epibranchial tooth. Postfrontal cristae slightly sharp, in a straight line with postorbital cristae. Ischium maxilliped rectangular with groove in middle, exopod straight, reaching to 1/3 merus external margin. Flagella long reaching over merus upper margin. Merus almost square-shaped. Male terminal segment of abdomen equilateral triangular with round top, lateral border slightly concave, longer than VI segment. Subterminal segment of G1 in male with basal large, distal part narrow, neck-like. Terminal segment with dorsal, broad semicircular fold, occupying almost completely half distal part of this segment, establishing dove-head in shape. Ambulatory legs long.

Remark

Donopotamon haii sp. nov. is firstly found in two locations: Jokdon (Taynguyen plateau), Vietnam and Pakse, Laos. Surveys on fresh crabs in these locations are little now. This species distributes in the streams of the mountainous areas with large quantities, often is used as food for the local people in Pakse.

Donopotamon haii sp. nov. is closely related to others species belonging to the genera *Thaipotamon*, *Pudaengon*, *Rathbunanon*, *Phaibulamon*, *Pilosamon* that are found in the basin of the Mekong river of Laos, Vietnam and Thailand. These species have the same characteristics such as terminal segment in male with dorsal, broad semicircular fold but *Donopotamon haii* sp. nov. differs from others by the location of the semicircular fold and several different features as well.

II. *Somanniathelphusa triangularis* sp. nov. (fig. 2)

Diagnosis

Carapace convex, surface smooth, purple-black coloured with a big white triangular shaped patch. H-shaped groove deep. Postfrontal and postorbital cristae sharp. The later is two times undulated, reaching to the basis of the 3rd. anterolateral tooth. Postfrontal cristae slightly concave. Terminal segment in male almost

trapezoid, upper border straight. Male abdomen with VI segment slender trapezoid form. In male G01, basal part of terminal segment with almost horizontal upper border. Distal part straight, with a small terminal crest, bilobed longitudinally.

Etymology: This species name is derived from the white triangular shaped patch on the carapace surface.

Remark

Somanniathelphusa triangularis sp. nov. differs from all others species belonging to the genus *Somanniathelphusa* found in Vietnam (Dang Ngoc Thanh, Ho Thanh Hai, 2001) as well as from the new species that were recently described in south China (Phaibul Naiyanetr-Dai Ai Yun, 1987) especially by a big white triangular shaped patch on the carapace surface of males and females, the postorbital cristae undulated and the structure of G1.

This new species differs from *Somanniathelphusa germaini* (Rathbun), also found in south Vietnam by principal characteristics as follows:

Characteristics	<i>S. triangularis</i> sp. nov.	<i>S. germaini</i> (Rathbun)
Carapace	Has big white triangular shape	Has not
Postorbital cristae	Almost horizontal in line, 2 times distinctly undulated	Not distinctly undulated and moderately raised in outer part
Postfrontal cristae	Slightly concave	Horizontally straight
G1 in male	Basal part of subterminal part with almost horizontal upper border. Terminal part equal or longer than subterminal.	With slanting upper border. Terminal segment shorter than subterminal.
VII segment of the abdomen in male	Almost trapezoid	Almost triangular
VI segment of the abdomen in male	The ratio of upper border to basal border: 0.8-0.87	The ratio of upper border to basal border: 0.73-0.75

Ngày nhận bài: 7-6-2004